

Số: 1481/NĐTW-VTTBYT
V/v Mời chào giá Vật tư y tế tiêu hao

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói Mua sắm bổ sung vật tư y tế tiêu hao với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: *Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương, Thôn Bàu, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.*

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

ThS. Bùi Văn Tấn, Phó trưởng phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Số điện thoại: 098.693.1071, email: vattu_yte@nhtd.vn.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: *Phòng Vật tư - Thiết bị y tế - Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương, Thôn Bàu, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.*

- Nhận qua email: vattu_yte@nhtd.vn.

* Lưu ý: Đơn vị cung cấp báo giá qua email vẫn phải gửi bản gốc báo giá đến địa chỉ tiếp nhận báo giá trực tiếp.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 05 tháng 12 năm 2024 đến trước 17h ngày 16 tháng 12 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2024

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh sách Vật tư y tế tiêu hao, bao gồm: *(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản vật tư y tế tiêu hao:

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương
- Yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 365 ngày.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.
- Thanh toán: Tuỳ theo nhu cầu sử dụng, hàng tháng chủ đầu tư sẽ thông báo danh mục vật tư và số lượng cụ thể cho nhà thầu (được thể hiện qua số lượng thực tế hoặc biên bản giao nhận hàng hóa) và chủ đầu tư sẽ thanh quyết toán cho nhà thầu theo số lượng thực tế.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, VTTB.



GIÁM ĐỐC

Phạm Ngọc Thạch

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO YÊU CẦU BẢO GIÁ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	QC đóng gói	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản dùng nhiều lần	Bộ	Bộ / Hộp	10	Bộ đầu thắt tĩnh mạch thực quản gồm có: tay cầm và đầu thắt, một ống kéo có đầu cong và một kim có chụp bảo vệ. Với 1 đầu thắt gồm 6 vòng bán Vòng bán có 2 loại: Loại không có latex, đầu cap bằng silicon hoặc Loại có latex. Đường kính cap tương thích với dây soi ≤ 9.5 mm đến ≥ 14 mm. Chiều dài của dây kéo từ ≤ 145 mm đến ≥ 190 mm, chất liệu bằng lụa hoặc tương đương.	
2	Đầu thắt Tĩnh mạch thực quản	Cái	Cái / Hộp	700	Với 1 đầu thắt gồm 6 vòng bán Vòng bán có 2 loại: Loại không có latex, đầu cap bằng silicon hoặc Loại có latex Đường kính cap tương thích với dây soi ≤ 9.5 mm đến ≥ 14 mm. Chiều dài của dây kéo từ ≤ 145 mm đến ≥ 190 mm, chất liệu bằng lụa hoặc tương đương.	
3	Clip titan các cỡ	Cái	180 Cái/ Hộp	4.000	Clip kẹp mạch máu chất titan hoặc tương đương hình chữ V, rãnh hình trái tim giúp clip giữ chắc chắn trên hàm kẹp tránh rơi clip khi kẹp. Cầu tạo vị thuận tiện lấy clip. Các cỡ: - Cỡ S (kích thước 1.98mm x 2,87mm, chiều dài sau khi đóng 3.63mm), - Cỡ M (kích thước 3.02mm x 4.68mm, chiều dài sau khi đóng 5.89mm), - Cỡ ML (kích thước 5.33mm x 7.51mm, chiều dài sau khi đóng 9.27mm).	

4	Clip kẹp mạch máu polymer Hemolok các cỡ	Cái	84 Cái/ Hộp	2.000	Clip kẹp mạch máu Hem-o-lok chất liệu polymer không tiêu hoặc tương đương, không dẫn điện, dẫn nhiệt và không ảnh hưởng đến CT, MRI và X-quang. Cơ chế kẹp lạnh giúp cầm máu an toàn và gai dọc thân clip với chân bám 360 độ chống trượt. Các cỡ: - Cỡ M kẹp mạch từ 2-7mm, - Cỡ ML kẹp mạch từ 3-10mm, - Cỡ L kẹp mạch từ 5-13mm, - Cỡ XL kẹp mạch từ 7-16mm.
5	Kim sinh thiết dạ dày ngàm mở lớn dùng nhiều lần, các cỡ	Cái	Cái / Hộp	20	Kim sinh thiết dạ dày dùng nhiều lần, các cỡ, loại tiêu chuẩn, hình oval, ngàm cá sấu có chiều dài làm việc 150cm (± 1 cm), 170cm (± 1 cm), đường kính thân kim 2.4mm, có độ mở ngàm các cỡ 6.5mm, 7mm tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm.
6	Kim sinh thiết dạ dày ngàm mở nhỏ dùng nhiều lần	Cái	Cái / Hộp	20	Kim sinh thiết dạ dày dùng nhiều lần, loại tiêu chuẩn, hình oval, ngàm cá sấu có chiều dài làm việc 150cm (± 1 cm), đường kính thân kim 1.8mm, độ mở ngàm các cỡ 5mm; 5.5mm, tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.0mm.
7	Kim sinh thiết dạ dày ngàm mở lớn dùng nhiều lần có kim	Cái	Cái / Hộp	4	Kim sinh thiết dạ dày dùng nhiều lần, các cỡ, có kim, ngàm cá sấu, hình oval, chiều dài làm việc 150cm (± 1 cm) và 170cm (± 1 cm), đường kính thân kim 2.4mm, độ mở ngàm 7mm, tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm.
8	Kim sinh thiết dạ dày ngàm mở nhỏ dùng nhiều lần có kim	Cái	Cái / Hộp	4	Kim sinh thiết dạ dày dùng nhiều lần, có kim, ngàm cá sấu, hình oval, chiều dài làm việc 150cm (± 1 cm), đường kính thân kim 1.8mm, độ mở ngàm 5.5mm tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.0mm.
9	Dụng cụ lấy dị vật loại 5 chấu dùng để lấy bệnh phẩm hoặc polyp	Cái	1 Cái/Túi	10	Kim gấp dị vật loại 5 chấu, các cỡ: - Đường kính thân kim 1.8mm (± 0.2 mm) tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.0mm - Đường kính thân kim 2.4mm (± 0.2 mm) tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm Chiều dài làm việc từ khoảng 700mm đến 2300mm

10	Sonde hồng trắng	Cái	Cái / Túi	5	Sonde hồng trắng qua đường mũi, dùng để nuôi ăn ngắn hạn hoặc đưa thuốc vào ruột non - Sonde cỡ 8 Fr và 10 Fr. Chiều dài 240 cm (± 1 cm) - Dây dẫn cỡ 0.035 inch, chiều dài 260 cm (± 1 cm). - Chiều dài ống nối ở mũi dài 50cm (± 1 cm) Tương thích kênh ống soi 3.2 (± 0.2 mm) và 3.7 mm (± 0.2 mm), Chất liệu làm bằng nhựa y tế PVC hoặc tương đương không chứa DEHP - Cổng hút dịch trên cuff - Có vạch tia X quang - Cổng nối tiêu chuẩn 15mm - Đầu tip vật tròn và lỗ thông khí phụ mát Murphy đảm bảo ít xâm nhập - Bóng áp lực thấp dung tích cao đảm bảo độ kín khi đặt nội khí quản
11	Ống đặt nội khí quản có dây hút trên cuff	Cái	1 Cái/ Túi	500	- Chất liệu làm bằng vải được bao phủ lớp đệm xốp (foam) bên, mềm, nhẹ, tăng sự thoải mái cho bệnh nhân. - Dùng để cố định ống nội khí quản, đồng thời giúp dễ dàng di chuyển vị trí ống nội khí quản, tránh gây loét môi cho bệnh nhân, có ống chống cản để ngăn ngừa bệnh nhân cắn vào ống nội khí quản - Kích thước đường ống từ 5 - 10 mm. - miêng dán hydricolloid hoặc tương đương có độ pH giống như da, không gây dị ứng. - Thời gian sử dụng trung bình từ 5 - 7 ngày. - Giúp cố định ống nội khí quản chắc chắn, an toàn và nhanh chóng. - Dễ dàng vệ sinh răng miệng, giúp giảm thiểu viêm phổi liên quan đến máy trợ thở.
12	Dùng cụ cố định mỏ khí quản (chất liệu vải)	Cái	100 Cái/Hộp	2.000	
13	Dùng cụ cố định nội khí quản có chống cắn	Cái	1 Cái/ Túi	1.000	
14	Tay dao hàn mạch mỏ mở	Cái	1 Cái/ Hộp	80	Tay dao hàn mạch mỏ mở hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 23cm, đường kính thân dao 5mm, quay 350 độ (sử dụng cho máy Valleylab LS10, Valleylab FT10, Forcetriad)
15	Tay dao hàn mạch mỏ nội soi	Cái	1 Cái/ Hộp	30	Tay dao hàn mạch nội soi hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 37cm, đường kính thân dao 5mm, quay 350 độ (sử dụng cho máy Valleylab LS10, Valleylab FT10, Forcetriad)
16	Tay dao hàn mạch mỏ mở dạng kéo	Cái	1 Cái/ Hộp	10	Tay dao hàn mạch mỏ mở hàm phủ nano chống dính, chiều dài thân dao 21cm, đầu mũi dao cong 40 độ (sử dụng cho máy Valleylab LS10, Valleylab FT10)

17	Bộ khớp háng toàn phần Metal on Poly - không xi măng	Bộ	Bộ/ hộp	10	<p>- Chuôi : Loại tiêu chuẩn, dạng kim tự tháp, không xi măng. Chuôi chống xoay có các rãnh nén xương, chất liệu hợp kim Ti6Al4V hoặc titanium được phủ một lớp plasma titan (Ti-VPS) hoặc titanium có độ dày ($\geq 20\mu\text{m}$) được phủ theo phương pháp lắng đọng điện hóa tạo nên cấu trúc tinh thể CaP giúp tăng độ xốp và tăng diện tích bề mặt tiếp xúc với xương $> 100\text{x}$ so với phương pháp Plasma. Diện tích bề mặt lớn và độ xốp cao giúp cho lớp CaP có thể tái hấp thu vào xương giúp rút ngắn thời gian hồi sau phẫu thuật. Góc cổ chuôi 135°. Chiều dài cổ chuôi 33.2 mm. Kích cỡ chuôi tùy chọn trong 11 cỡ từ 0 đến 10 với bước chênh bằng 1. Cỡ chuôi 0: dài 125.5 mm. Cỡ chuôi 1 đến 10 có độ dài lần lượt là: 131.5mm; 135.5mm; 139.5mm; 143.5mm; 147.5mm; 151.5mm; 155.5mm; 159.5mm; 163.5mm; 167.5mm.</p> <p>- Ổ cối : Được làm bằng chất liệu hợp kim Ti6Al4V hoặc titanium được thiết kế theo cấu trúc macro 1 chiều giúp tăng khả năng ổn định sơ cấp sau khi cấy ghép, bề mặt phủ plasma titan (Ti-VPS) hoặc titanium độ dày $\geq 200\mu\text{m}$, ngoài cùng là lớp canxi phot phát có độ dày $\geq 20\mu\text{m}$ (CaP) giúp tăng khả năng phục hồi sơ cấp sau cấy ghép. Kích cỡ ổ cối tùy chọn trong các cỡ ổ cối không bắt vít từ 42mm đến 62mm và tùy chọn các cỡ ổ cối bắt vít từ 46mm đến 70mm với bước chênh 2mm dùng đầu xương dài 28mm, 32mm và 36mm.</p> <p>- Lớp lót - Insert : Chất liệu Cross-linked polyethylene hoặc titanium được có gờ chống trượt, dùng đầu xương dài loại 32mm. Độ chống trượt góc 12°. Độ cao chống trượt 4 mm.</p> <p>- Đầu xương dài : Loại 32mm. Chất liệu Metal CoCrMo (hợp kim Cobalt - Chromium - molybdenum) hoặc titanium. Kích cỡ đầu xương dài tùy chọn trong các kích cỡ: S(-4 mm), M (0 mm), L (+4 mm), XL (+8 mm)</p> <p>- Vít ổ cối : Loại tự Taro (self-cutting), chất liệu hợp kim Ti6Al4V hoặc titanium. Đường kính đầu vít 6.5 mm. Kích cỡ vít ổ cối tùy chọn trong các cỡ vít ổ cối từ 20 đến 35 với bước chênh 5mm</p> <p>- Chuôi : Loại tiêu chuẩn, dạng kim tự tháp, không xi măng. Chuôi chống xoay có các rãnh nén xương, chất liệu hợp kim Ti6Al4V hoặc titanium được phủ một lớp plasma titan (Ti-VPS) hoặc titanium có độ nhám cao và ngoài cùng là một lớp CaP (canxi phot phát) có độ dày ($\geq 20\mu\text{m}$) được phủ theo phương pháp lắng đọng điện hóa</p>	26
18	Bộ khớp háng toàn phần Ceramic on Poly - không xi măng	Bộ	Bộ/ hộp	10		26

			<p>tao nên cấu trúc tinh thể CaP giúp tăng độ xốp và tăng diện tích bề mặt tiếp xúc với xương >100x so với phương pháp Plasma. Diện tích bề mặt lớn và độ xốp cao giúp cho lớp CaP có thể tái hấp thu vào xương giúp rút ngắn thời gian hồi sau phẫu thuật. Góc cổ chuôi 135°. Chiều dài cổ chuôi 33.2 mm. Kích cỡ chuôi tùy chọn trong 11 cỡ từ 0 đến 10 với bước chênh bằng 1. Cỡ chuôi 0: dài 125.5 mm. Cỡ chuôi 1 143.5mm; 147.5mm; 151.5mm; 155.5mm; 159.5mm; 163.5mm; 167.5mm.</p> <p>- Ổ cối :Được làm bằng chất liệu hợp kim Ti6Al4V hoặc tương đương được thiết kế theo cấu trúc macro 1 chiều giúp tăng khả năng ổn định sơ cấp sau khi cấy ghép, bề mặt phủ plasma titan (Ti-VPS) hoặc tương đương độ dày $\geq 200\mu\text{m}$, ngoài cùng là lớp canxi phot phot có độ dày $\geq 20\mu\text{m}$ (CaP) giúp tăng khả năng phục hồi sơ cấp sau cấy ghép. Kích cỡ ổ cối tùy chọn trong các cỡ ổ cối không bắt vít từ 42mm đến 62mm và tùy chọn các cỡ ổ cối bắt vít từ 46mm đến 70mm với bước chênh 2mm dùng đầu xương dài 28mm, 32mm và 36mm.</p> <p>- Lớp lót – Insert : Chất liệu Cross-linked polyethylene hoặc tương đương, có gờ chống trượt, dùng đầu xương dài loại 32mm và 36mm. Độ chống trượt góc 12°. Độ cao chống trượt 4 mm.</p> <p>- Đầu xương đùi : Loại 32mm và 36mm. Chất liệu sứ ELEC plus là loại gồm nhôm oxit zirconia ổn định vững chắc hoặc tương đương. Có khả năng chống mài mòn và an toàn chống vỡ cao. Kích cỡ đầu xương đùi tùy chọn trong các kích cỡ: S (-4 mm), M (0 mm), L (+4 mm), XL (+7mm với loại 32mm và +8mm với loại 36mm)</p> <p>- Vít ổ cối : Loại tự Taro (self-cutting), chất liệu hợp kim Ti6Al4V hoặc tương đương. Đường kính đầu vít 6.5 mm. Kích cỡ vít ổ cối tùy chọn trong các cỡ vít ổ cối từ 20 đến 35 với bước chênh 5mm</p> <p>- Chuôi : Loại tiêu chuẩn, dạng kim tự tháp, không xi măng. Chuôi chống xoay có các rãnh nén xương, chất liệu hợp kim Ti6Al4V hoặc tương đương và được phủ một lớp plasma titan (Ti-VPS) hoặc tương đương có độ nhám cao và ngoài cùng là một lớp CaP (canxi phot phot) có độ dày ($\geq 20\mu\text{m}$) được phủ theo phương pháp lắng đọng điện hóa tạo nên cấu trúc tinh thể CaP giúp tăng độ xốp và tăng diện tích bề mặt tiếp xúc với xương >100x so với phương pháp Plasma. Diện tích bề mặt lớn và độ xốp cao giúp cho lớp CaP có thể tái hấp thu vào xương giúp rút ngắn thời gian hồi sau phẫu thuật. Góc cổ chuôi 135°.</p>	
19	Bộ khớp háng toàn phần Ceramic on Ceramic không xi măng	Bộ	Bộ/ hộp	25

				<p>Chiều dài cổ chươi 33.2 mm. Kích cỡ chươi tùy chọn trong 11 cỡ từ 0 đến 10 với bước chênh bằng 1. Cỡ chươi 1 đến 10 có độ dài lần lượt là: 131.5mm; 135.5mm; 139.5mm; 143.5mm; 147.5mm; 151.5mm; 155.5mm; 159.5mm; 163.5mm; 167.5mm.</p> <p>- Ổ cối :Được làm bằng chất liệu hợp kim Ti6Al4V hoặc tương đương được thiết kế theo cấu trúc macro 1 chiều giúp tăng khả năng ổn định sơ cấp sau khi cấy ghép, bề mặt phủ plasma titan (Ti-VPS) hoặc tương đương độ dày $\geq 200\mu\text{m}$, ngoài cùng là lớp canxi phot phot có độ dày $\geq 20\mu\text{m}$ (CaP) giúp tăng khả năng phục hồi sơ cấp sau cấy ghép. Kích cỡ ổ cối tùy chọn trong các cỡ ổ cối không bắt vít từ 42mm đến 62mm và tùy chọn các cỡ ổ cối bắt vít từ 46mm đến 70mm với bước chênh 2mm dùng đầu xương đùi 28mm, 32mm và 36mm.</p> <p>- Lớp lót – Insert : Dùng đầu xương đùi loại 32mm và 36 mm. Chất liệu sứ ELEC plus là loại gồm nhôm oxit zirconia ổn định vững chắc hoặc tương đương. Có khả năng chống mài mòn và an toàn chống vỡ cao</p> <p>- Đầu xương đùi : Loại 32mm và 36mm. Chất liệu sứ ELEC plus là loại gồm nhôm oxit zirconia ổn định vững chắc hoặc tương đương. Có khả năng chống mài mòn và an toàn chống vỡ cao. Kích cỡ đầu xương đùi tùy chọn trong các kích cỡ: S (-4 mm), M (0 mm), L (+4 mm), XL (+7mm với loại 32mm và +8mm với loại 36mm)</p> <p>- Vít ổ cối : Loại tự Taro (self-cutting), chất liệu hợp kim Ti6Al4V hoặc tương đương. Đường kính đầu vít 6.5 mm. Kích cỡ vít ổ cối tùy chọn trong các cỡ vít ổ cối từ 20 đến 35 với bước chênh 5mm</p>
20	Bộ khớp háng bán phần – không xi măng	Bộ	Bộ/ hộp	<p>15</p> <p>- Chươi : Loại tiêu chuẩn, dạng kim tự tháp, không xi măng. Chươi chống xoay có các rãnh nén xương, chất liệu hợp kim Ti6Al4V hoặc tương đương và được phủ một lớp plasma titan (Ti-VPS) hoặc tương đương có độ nhám cao và ngoài cùng là một lớp CaP (canxi phot phot) có độ dày ($\geq 20\mu\text{m}$) được phủ theo phương pháp lắng đọng điện hóa tạo nên cấu trúc tinh thể CaP giúp tăng độ xốp và tăng diện tích bề mặt tiếp xúc với xương $> 100\text{x}$ so với phương pháp Plasma. Diện tích bề mặt lớn và độ xốp cao giúp cho lớp CaP có thể tái hấp thu vào xương giúp rút ngắn thời gian hồi sau phẫu thuật. Góc cổ chươi 135°. Chiều dài cổ chươi 33.2 mm. Kích cỡ chươi tùy chọn trong 11 cỡ từ 0 đến 10 với bước chênh bằng 1. Cỡ chươi 0: dài 125.5 mm. Cỡ chươi 1 đến 10 có độ dài lần lượt là: 131.5mm; 135.5mm; 139.5mm; 143.5mm; 147.5mm; 151.5mm; 155.5mm; 159.5mm; 163.5mm;</p>

				<p>167.5mm.</p> <p>- Chòm xương đùi: chất liệu hợp kim thép (hợp kim Cr-Ni) hoặc tương đương. Kích cỡ chòm xương đùi tùy chọn trong các cỡ từ 39 đến 60 với bước chênh 1. Chòm xương đùi từ 39mm đến 42mm dùng đầu xương đùi cỡ 22mm và Chòm xương đùi từ 43mm đến 60mm dùng với chòm xương đùi 28mm</p> <p>- Đầu xương đùi: Loại 22mm và 28mm. Chất liệu Metal CoCrMo (hợp kim Cobalt – Chromium - molybdenum) hoặc tương đương. Kích cỡ đầu xương đùi tùy chọn trong các kích cỡ: M(0mm), L(+4mm) cho loại 22mm và S(-3.5mm), M(0mm), L(+3.5mm), XL(+7mm) cho loại 28mm</p> <p>- Chuôi: Loại tiêu chuẩn, dùng xi măng. Chuôi dạng kim tự tháp được đánh bóng, chất liệu hợp kim thép không gỉ hoặc tương đương có hàm lượng niro cao theo tiêu chuẩn ISO 5832-9. Góc cổ chuôi 135°. Chiều dài cổ chuôi 33.2 mm. Kích cỡ chuôi tùy chọn trong các cỡ chuôi từ 1 đến 11. Cổ chuôi 1: dài 122.5 mm. Cổ chuôi 2 đến 11 có độ dài lần lượt là 131.5mm; 135.5mm; 139.5mm; 143.5mm; 147.5mm; 151.5mm; 155.5mm; 159.5mm; 163.5mm; 167.5mm.</p> <p>- Chòm xương đùi: chất liệu hợp kim thép (hợp kim Cr-Ni) hoặc tương đương. Kích cỡ chòm xương đùi tùy chọn trong các cỡ từ 40 đến 53 với bước chênh 1. Dùng đầu xương đùi cỡ 22mm và 28mm</p> <p>- Đầu xương đùi: Loại 22mm và 28mm. Chất liệu Metal CoCrMo (hợp kim Cobalt – Chromium - molybdenum) hoặc tương đương. Kích cỡ đầu xương đùi tùy chọn trong các kích cỡ: M(0mm), L(+4mm) cho loại 22mm và S(-3.5mm), M(0mm), L(+3.5mm), XL(+7mm) cho loại 28mm</p> <p>- Xi măng: có chứa kháng sinh: chứa các hợp chất acrylic với độ phóng xạ đồng nhất nhất nhờ các hạt Barium Sulfate phân tán siêu nhỏ.</p>	
21	Bộ khớp háng bán phần – có xi măng	Bộ	Bộ/ hộp	5	
22	Khớp gối toàn phần có xi măng (vật liệu lõi cầu & mâm chày: Chrome Cobalt)	Bộ	Bộ/ hộp	6	<p>1. Lõi cầu có xi măng</p> <p>+ Vật liệu: Chrome Cobalt hoặc tương đương</p> <p>+ Cầu tạo có rãnh giữa, thành phần này cho phép xương bánh chè trượt lên khi co duỗi, có khả năng gấp duỗi tới 145°-5°. Thiết kế phải trái riêng biệt theo giải phẫu. Thiết kế gồm tối thiểu 10 cỡ phải trái riêng biệt</p> <p>+ Kích thước các cỡ 0,1,2,3,4,5,6,7,8, 9 phải, trái.</p> <p>2. Đệm chày: lớp đệm mâm chày cố định</p> <p>+ Vật liệu: UHMWPE PEXEL cao phân tử hoặc tương đương</p>

				<p>+ Kích thước: từ 0-8, có độ dày khác nhau: 10mm, 12mm, 15mm và 18mm</p> <p>3. Mâm chày có xi măng</p> <p>+ Vật liệu: Chrome Cobalt hoặc tương đương. thiết kế tối thiểu 9 cỡ phải, trái riêng biệt</p> <p>+ Kích thước các cỡ 0,1,2,3,4,5,6,7,8 phải, trái</p> <p>+ Phần đáy mâm chày có vít bịt bằng nhựa</p> <p>4. Xi măng kháng sinh hàm lượng 60g</p> <p>+ Thành phần bao gồm: phần bột có chứa chất trùng hợp Poly-methyl methacrylate và chất khởi đầu phản ứng trùng hợp, Benzoyl Peroxide, Barium sulphate ph.eur, Gentamicin base (as sulphate); phần dung môi có chứa methyl methacrylate được trộn theo tỷ lệ với Hydroquinone, và N, N Dimethyl p-toluidine.</p>	
23	Bộ khớp gối Chrome Cobalt toàn phần có xi măng loại linh động	Bộ	Bộ/hộp	4	<p>1 Lõi cầu có xi măng</p> <p>+ Vật liệu: Chrome Cobalt hoặc tương đương</p> <p>+ Cấu tạo có rãnh giữa, thành phần này cho phép xương bánh chè trượt lên khi co duỗi, có khả năng gấp duỗi tối đa 145°-5°. Thiết kế gồm tối thiểu 10 cỡ phải trái riêng biệt theo giải phẫu.</p> <p>+ Kích thước các cỡ: 0, 1,2,3,4,5,6,7,8,9, phải, trái.</p> <p>2 Lớp đệm mâm chày kiểu linh động</p> <p>Chất liệu: UHMWPE PEXCEL hoặc tương đương</p> <p>Kích thước từ 0-8. Độ dày từ 10 - 15mm</p> <p>3 Mâm chày có xi măng loại Linh động</p> <p>+ Vật liệu: Chrome Cobalt hoặc tương đương, có tối thiểu 9 cỡ phải, trái riêng biệt, mặt mâm chày nhẵn bóng đảm bảo cho chuyên động xoay của lớp đệm</p> <p>+ Kích thước các cỡ 0,1,2,3,4,5,6,7,8 phải, trái</p> <p>+ Phần đáy mâm chày có vít bịt bằng nhựa có thể tháo ra để lắp phần vít bịt bằng Chrome Cobalt hoặc tương đương kéo dài mâm chày giúp ổn định xương, kích thước vít bịt Chrome Cobalt từ 20mm và 40mm</p> <p>4. Xi măng kháng sinh</p> <p>Hàm lượng 60g</p> <p>+ Thành phần bao gồm: phần bột có chứa chất trùng hợp Poly-methyl methacrylate và chất khởi đầu phản ứng trùng hợp, Benzoyl Peroxide, Barium sulphate ph.eur, Gentamicin base (as sulphate); phần dung môi có chứa methyl methacrylate được trộn theo tỷ lệ với Hydroquinone, và N, N Dimethyl p-toluidine</p>

24	Khớp háng toàn phần chuỗi dài không xi măng phủ HA cổ thân liên khối, chrome cobalt on PE + vitamin E	Bộ	Bộ/ hộp	2	<p>1. Ổ cối Chất liệu Titanium TA6V phun Porous titanium hoặc tương đương dày 400-600µm tăng độ nhám và phủ Calcium hydroxylapatite dày $\geq 80\mu\text{m}$ giúp kích thích hình thành xương. vành ngoài vi 2,6mm được thiết kế mép trong trên thành ổ cối ngăn không cho cổ thân chạm vào lớp lót ổ cối, Thiết kế 01 lỗ lắp dụng cụ đóng ổ cối và 04 lỗ bắt vít: kích thước từ 4,6/4,8/5,0/5,2/5,4/5,6/5,8/6,0/6,2/6,4/6,6mm, mỗi nhíp cách nhau 2mm.</p> <p>2. Lót ổ cối chất liệu UHMWPE Pexel cao phân tử + vitamin E hoặc tương đương</p> <p>+ Cấu tạo: PE Pexel-E chứa hàm lượng vitamin E giúp chống oxy hóa trên bề mặt Có 10 chốt khóa lắp khít với ổ cối đảm bảo sự chống chạt kích thước size : 32/40mm , 32/44mm, 32/48mm,32/50mm,32/54mm - 36/44mm,36/48mm,36/50mm,36/54mm</p> <p>3. Chòm khớp chất liệu Co-Cr hoặc tương đương</p> <p>+ Kích thước 32mm (-4mm; +0mm; +4mm,+8mm)</p> <p>4. Chuôi xương đùi:</p> <p>+ Chuôi xương đùi: phần nhám thân chuỗi chất liệu Titanium alloy TA6V phun plasma titan T40 porous 200+/-50µm hoặc tương đương rồi phủ toàn bộ bên ngoài bằng lớp canxi HAP (Calcium hydroxylapatide) dày 100+/-35µm hoặc tương đương kích thích hình thành xương, cổ thân liên khối</p> <p>+ Đầu gắn chuỗi khớp sắt với cổ chuỗi được thiết kế các rãnh dọc , rãnh ngang đan xen giao cắt tăng khả năng chống xoay và chống lún của chuỗi khớp , loại có 2 vít chốt hoặc rãnh cắt ở cuối chuỗi</p> <p>+ Kích thước size: 10 (200mm), 12(210mm), 12L(260mm), 12XL(320mm),14(220mm), 16(230mm), 18(240mm), 20(240mm), Offset tương ứng 39,0/40,5/40,5/41,5/43,3/44,1/45,0</p> <p>+ Cấu tạo: chiều dài cổ 3,8,5mm, Góc nghiêng 135°, cổ côn 12/14</p> <p>5. Vít ổ cối (screw): chất liệu titanium TA6V hoặc tương đương , đường kính 6,0mm, cỡ 20/25/30/35/40/45/50mm</p>
25	Khớp háng bán phần Bipolar chuỗi dài không xi măng phủ HA cổ thân liên khối	Bộ	Bộ/ hộp	15	<p>1. Ổ cối bán phần (đầu chòm bipolar cups): cấu tạo bởi 2 lớp -Bên ngoài được làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương có hàm lượng Crom 17-19%, hàm lượng Niken 13-15% và hàm lượng Molybden(Mo) 2,25-3%,</p> <p>-Bên trong là lớp polyethylene cao phân tử (UHMWPE) hoặc tương đương</p> <p>+ Kích thước từ 39-42mm dùng cho chòm 22,2mm, 43-59mm dùng</p>

				<p>cho chòm 28mm</p> <p>+thiết kế 2 loại có vòng khóa hoặc không thuận tiện cho việc tháo lắp chòm và chống chặt chòm tới đa</p> <p>2. Chòm</p> <p>- Chòm chất liệu Co-Cr hoặc tương đương kích thước 22.2 (-2mm; +0mm; +2mm) và 28mm (-7mm; -3.5mm; +0mm; +3.5mm; +7mm; +10.5mm)</p> <p>3. Chuôi xương đùi:</p> <p>+ Chuôi xương đùi: phần nhám thân chuôi chất liệu Titanium alloy TA6V phun plasma tian T40 porous 200+/-50µm hoặc tương đương rồi phủ toàn bộ bên ngoài bằng lớp canxi HAP (Calcium hydroxy/apatide) dày 100+/-35µm hoặc tương đương kích thích hình thành xương, cổ thân liền khối</p> <p>+ Đầu gần chuôi khớp sát với cổ chuôi được thiết kế các rãnh dọc, rãnh ngang đan xen giao cắt tăng khả năng chống xoay và chống lún của chuôi khớp, loại có 2 vít chốt hoặc rãnh cắt ở cuối chuôi</p> <p>+Kích thước size: 10 (200mm), 12(210mm), 12L(260mm), 12XL(320mm),14(220mm), 16(230mm), 18(240mm), 20(240mm), Offset tương ứng 39,0/40,5/40,5/41,5/43,3/44,1/45,0</p> <p>+Cấu tạo: chiều dài cổ 38,5mm, Góc nghiêng 135°, cổ còn 12/14</p>	
26	Vít dây chằng tự tiêu giữ mảnh ghép gân Tighrope có thể điều chỉnh độ ngắn dài	Cái	Cái / Hộp	30	<p>-Thanh treo cổ: Vật liệu: Titanium hoặc tương đương, đường kính: 4.5mm, chiều dài:14 mm;</p> <p>- Vòng treo làm bằng chỉ siêu bền số 5.</p> <p>- Vòng treo điều chỉnh được kích thước từ 5mm đến 100mm</p> <p>- Vít neo có thể bọc bởi một thân khung rộng 6mm dài 21mm, giúp tăng sự sử dụng của vít neo đối với các đường hầm lên tới 12mm.</p> <p>- Vít có tính năng cổ định kép bằng ma sát và cơ học sử dụng lực theo chu kì để nén chỉ vào túi khóa làm giảm sự dịch chuyển.</p> <p>- Lực kéo ra tới đa $\geq 920N$.</p>
27	Vít chỉ neo hoàn toàn bằng chỉ có định chớp xoay đường kính 2.8mm	Cái	1 Cái / Hộp	10	<p>Vít neo toàn chỉ siêu bền</p> <p>- Kích thước: Đầu neo có đường kính 2.8mm, neo được mở rộng tới 5.0mm, kèm 2 sợi chỉ siêu bền số 2.</p> <p>- Kích thước neo nhỏ giúp loại bỏ ít xương hơn. Cấu trúc hoàn toàn bằng chỉ giảm thiểu xâm lấn.</p> <p>- Neo có định xoay 360 độ trong xương.</p> <p>- Neo chịu được lực căng $\geq 602N$</p>

28	Vít neo khâu chóp xoay Poplok đk 4.5mm	Cái	1 Cái / Hộp	10	<p>Vật liệu: PEEK hoặc tương đương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Đường kính 4.5mm, chiều dài neo 11mm - Là neo không cần thắt chỉ. Chỉ được khóa bên trong neo. Có khả năng căng chỉ một cách độc lập và tách biệt với chỗ cố định neo. - Chỉ được khóa vào giữa 2 bộ phận trượt, tách biệt với bề mặt xương-neo, cánh neo được bung ra để cố định chắc chắn. - Có khả năng thay đổi lực căng tác động lên mô mềm ngay khi neo được đưa vào, nhằm giảm thiểu nguy cơ ảnh hưởng đến nguồn nuôi mạch máu, giúp vết thương nhanh lành hơn 	
29	Lưới cắt đốt Edge bằng sóng RF có chức năng theo dõi nhiệt độ	Cái	1 Cái / Hộp	25	<ul style="list-style-type: none"> - Điện cực làm từ Tungsten hoặc tương đương. - Thiết kế 2 loại đầu có góc cong 50 và 90 độ. - Đầu đốt góc cong 90 độ: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính đầu 0.148 in. + Đường kính thân 0.148 in. + Chiều dài làm việc 13 cm. - Đầu đốt góc cong 50 độ: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính thân 0.134 in. + Chiều dài làm việc 13 cm. - Đầu đốt có chức năng phát hiện các đối tượng có trở kháng thấp như ống soi: Đầu đốt sẽ tự động dừng cho đến khi cách ống soi một khoảng cách an toàn. - Điều khiển bằng nút bấm trên tay cầm. - Có thể thông minh giúp bộ điều khiển nhận biết và tự động tối ưu hóa công suất cài đặt để tạo ra dòng Plasma tối ưu và an toàn nhất cho bệnh nhân. 	
30	Lưới bảo khớp các cỡ	Cái	1 Cái / Hộp	25	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng cắt bỏ mô mềm, gốc dây chằng, màng hoạt dịch, sụn chêm. Chiều dài làm việc 13cm, đường kính 3.5mm, 4.2mm, 4.8mm, 5.5mm. - Lưới bảo sử dụng với tay bảo khớp có 2 nút điều khiển. - Tốc độ làm việc dao động từ ≤ 2.500 vòng/phút đến ≥ 6.000 vòng/phút. 	
31	Dây dẫn nước vào khớp trong nội soi chạy bằng máy	Cái	1 Cái / Gói	25	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng chiều dài dây dẫn đường vào : 4.9m(± 0.1m). Trong đó: chiều dài dây dẫn về phía bệnh nhân: 3.4m(± 0.1m), chiều dài dây dẫn về phía túi dịch: 1.5m(± 0.1m) 	

32	Trocal nội soi khớp	Cái	1 Cái / Hộp	5	<p>Đường kính trong: 5,5 6.0, 8.4mm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: 50, 70, 75, 90mm - Nhiều hình dạng: Thân trơn, Thân có ren, Thân hình bầu - Hệ thống khóa kẹp ngăn ngừa rò rỉ dịch - Tích hợp van điều khiển dòng chảy - Kết hợp khóa luer và ống kết nối 0.25" trên cùng một công 	
33	Vít chỉ khâu sụn chêm	Cái	1 Cái / Hộp	2	<p>Có 7 Vít neo bằng vật liệu PEEK hoặc tương đương, kèm theo chỉ siêu bền dài 71cm(± 1 cm). Khâu được 7 mũi liên tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính chỉ khâu trung bình: 0.35-0.406mm <p>Ứng dụng: Khâu sụn chêm all inside (khâu toàn bộ bên trong)</p>	
34	Chỉ khâu siêu bền	Sợi	Sợi/ gói	20	<p>Là chỉ siêu bền, chất liệu UHMW - Polyethylene hoặc tương đương. Chỉ được bền và không tiêu, được chỉ định cho khâu mô mềm trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 1 Chỉ siêu bền số 2. Độ dài chỉ: ≥ 40 inches - Kích thước kim: đường kính vòng kim 0.5", đầu kim dạng thon. - Lực kéo ra tới đa ≥360N 	
35	Lưới bảo mài xương	Cái	1 Cái / Hộp	5	<p>Chiều dài làm việc 13cm, đường kính 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.5mm, 6.0mm, tốc độ vòng quay lớn nhất ≥ 12000 vòng/phút.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưới mài có nhiều hình dạng đầu mài khác nhau: oval, hình cầu - Tốc độ làm việc dao động từ <math>\leq 2.500</math> vòng/phút đến <math>\geq 12.000</math> vòng/phút. 	
36	Điện cực dán	Cái	30 Cái/ Túi	50.000	Kích thước: 35mm x 41mm. Sử dụng gel Aqua - Tac hoặc tương đương	
37	Bàn cực dao điện	Cái	01 Cái/ Túi	2.000	Diện tích dẫn điện: ≥ 118cm ² . Thiết kế: 2 cực. Dùng cho bệnh nhân trên ≥ 15kg	
38	Bộ lấy bệnh phẩm đường hô hấp	Chiếc	1 Chiếc/ Túi	10.000	<p>Chất liệu: Nhựa PVC y tế hoặc tương đương. Kích thước từ Fr6 - Fr18. Thiết kế đặc đáo làm giảm ma sát và lực hấp phụ tĩnh điện.</p> <p>Dung tích 25ml.</p>	
39	Tấm bông lấy mẫu bệnh phẩm cần gỗ vô trùng	Chiếc	100 Chiếc /Túi	20.000	<p>Chiệu liệu ống, nắp, bằng nhựa, que bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài 175mm(± 5mm). Đóng gói riêng từng chiếc, tiết trùng bằng EO Gas hoặc tương đương. Được sử dụng để thu thập, lưu trữ, truyền mẫu vật. Được sử dụng rộng rãi trong nha khoa, da liễu, phụ khoa, tiết niệu và các mẫu bệnh phẩm khác.</p>	

40	Tấm bông mềm lấy bệnh phẩm	Cái	01 Cái/ Túi; 200 Cái/ Gói	40.000	Chất liệu cân bằng nhựa PP/ABS, đầu bông nylon floocked, chiều dài 150mm(± 5mm), có khóa bẻ ở vị trí 80mm. Đóng gói riêng từng chiếc. Tiệt trùng bằng EO Gas hoặc tương đương. Được sử dụng để lấy dịch tủy hầu trong các xét nghiệm tìm virus.	
41	Đầu côn vàng	Cái	1.000 Cái/Gói	100.000	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	
42	Đầu côn xanh	Cái	500 Cái/Gói	50.000	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	
43	Ông ly tâm 50ml	Ông	100 ông / Túi	15.000	Chất liệu nhựa PP, nắp nhựa PE, dung tích 50ml. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng. Được sử dụng cùng với máy ly tâm để tách thuốc thử, tách chất rắn ra khỏi chất lỏng và chất rắn lắng đọng ở phần dưới của ông ly tâm. Chịu được lực ly tâm >6000 vòng/phút.	
44	Ông ly tâm 15ml	Ông	100 ông / Túi	10.000	Chất liệu nhựa PP, nắp nhựa PE, dung tích 15ml. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng. Được sử dụng cùng với máy ly tâm để tách thuốc thử, tách chất rắn ra khỏi chất lỏng và chất rắn lắng đọng ở phần dưới của ông ly tâm. Chịu được lực ly tâm >6000 vòng/phút.	
45	Đầu tips có phin lọc 10ul, 20ul, 100ul, 1250ul.	Cái	96 Cái/ Hộp	300.000	Đầu côn lọc 10ul, 20ul, 100ul, 1250ul, chất liệu nhựa PP, không kim loại, không Dnase, Rnase. Thiết kế phù hợp các loại cây pipet trên thị trường. Tiệt trùng bằng khí EO gas hoặc tương đương	
46	Ông Eppendorf 0,5 ml	Cái	1000 Cái/ Túi	50.000	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 0.5ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử. Chịu được lực ly tâm ≥16.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được).	
47	Ông Eppendorf 1,5ml	Cái	500 Cái/ Túi	50.000	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 1.5ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử. Chịu được lực ly tâm ≥ 16.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được).	
48	Ông Eppendorf 2 ml	Cái	500 Cái/ Túi	50.000	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 2ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử. Chịu được lực ly tâm ≥ 16.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được).	

49	Ống nghiệm 16x100	Cái	250 Cái/ Túi	100.000	Ống nghiệm PS tinh khiết 100%, dung tích 10ml, kích thước 16x100mm. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong. *Kích thước 13mm x 75mm. Ống nghiệm đã được hút chân không với thể tích mẫu là 2ml. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Sodium Fluoride và EDTA K2.
50	Ống nghiệm Chimigly chân không	Ống	100 ống/ Hộp	10.000	- Nắp đậy ống nghiệm: nắp nhựa màu xám, nút cao su bên trong Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm đường và lactate. * Chịu được lực quay ly tâm gia tốc từ ≤ 3.500 đến ≥ 4.500 vòng/phút trong thời gian 10 phút có phiếu kiểm nghiệm.
51	Pipet nhựa 3ml	Cái	500 Cái/ Túi	30.000	Chất liệu nhựa y tế LDPE hoặc tương đương, mềm mại, có vạch chia từ 0.5ml. Chiều dài khoảng 160mm, dung tích lấy mẫu ≥ 3 ml.
52	Pipet paster 3ml vô trùng	Túi	1 Cái/ Túi	40.000	Chất liệu nhựa y tế LDPE hoặc tương đương, mềm mại, có vạch chia từ 0.5ml, tiệt trùng bằng EO gas hoặc tương đương. Chiều dài khoảng 160mm, dung tích lấy mẫu ≥ 3 ml.
53	Kim vô trùng các cỡ	Cái	100 Cái/ Hộp	1.000.000	Kim các số G18, G20, G23, V1 dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim.
54	Kim cánh bướm các cỡ	Cái	100 Cái/ Túi	80.000	Kim cánh bướm các số 23G, 25G. Dây dẫn chất liệu nhựa PVC hoặc tương đương, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gãy gập. Kim làm bằng chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, mài vát 3 cạnh, sắc nhọn. Đóng gói riêng từng chiếc, đã được tiệt trùng
55	Kim luồn tĩnh mạch các cỡ	Cái	50 Cái/ Hộp	300.000	Kim luồn tĩnh mạch chất liệu FEP hoặc tương đương, có 3 vạch cản quang ở thân catheter, lưu kim được đến ≥ 96 h. Được tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương. Màng ki nước chống máu tràn ra. Thân catheter không chứa kim loại, sử dụng được trong phòng MRI. Không sử dụng keo gắn kết thân catheter vào đốc nhựa. Có bầu tắm lọc xốp ở chuỗi kim cho phép khí đi qua và không cho chất lỏng đi qua. Bầu tắm lọc có thể tháo rời để lấy mẫu máu khi cần. Có nút chặn kim luồn khi không sử dụng tiêm truyền cho bệnh nhân. - Các cỡ kim: + 24G x 3/4" (0.74 x 19 mm, 29ml/min); + 22G x 1" (0.9 x 25 mm, 42ml/min); + 20G x 1-1/4" (1.0 x 32 mm, 59ml/min); + 18G x 1-3/4" (1.3 x 45 mm, 96ml/min);

					<p>+ 16G x 1-³/₄" (1.75 x 45 mm, 225ml/min); + 14G x 1-³/₄" (2.0 x 45 mm, 290ml/min); - Các cỡ kim có màu khác nhau.</p>	
56	Đinh Kirschner cỡ 1.0	Cái	10 Cái/ Túi	100	<p>Đường kính khoảng: 1.0mm Chiều dài khoảng: 310mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543 hoặc tương đương Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)</p>	
57	Đinh Kirschner cỡ 1.2	Cái	10 Cái/ Túi	100	<p>Đường kính khoảng: 1.2mm Chiều dài khoảng: 310mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543 hoặc tương đương Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)</p>	
58	Đinh Kirschner cỡ 1.8	Cái	10 Cái/ Túi	200	<p>Đường kính khoảng: 1.8mm Chiều dài khoảng: 310mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543 hoặc tương đương Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)</p>	
59	Đinh Kirschner cỡ 2.0	Cái	10 Cái/ Túi	200	<p>Đường kính khoảng: 2.0mm Chiều dài khoảng: 310mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543 hoặc tương đương Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)</p>	
60	Đinh Kirschner cỡ 3.0	Cái	10 Cái/ Túi	50	<p>Đường kính khoảng: 3.0mm Chiều dài khoảng: 310mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543 hoặc tương đương Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)</p>	
61	Băng phim tích hợp Chlorhexidine Gluconate	Miếng	25 Miếng/ Hộp	3.000	<p>Dùng để cố định ống thông: động mạch, tĩnh mạch trung tâm, các loại ống thông nội mạch khác và các thiết bị qua da. Thành phần: Gel kháng khuẩn Chlorhexidine Gluconate, Viên giấy, Film Polyurethane, Keo Acrylic. - Gel Chlorhexidine 2% trong suốt kết hợp trong cùng một miếng băng, có tính kháng khuẩn phổ rộng, giúp giảm thiểu nhiễm khuẩn huyết. Gel CHG có khả năng hấp thụ chất lỏng.</p>	

					<ul style="list-style-type: none"> - Lớp màng Polyurethane trong suốt ngăn nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus, dễ dàng quan sát liên tục vị trí đặt catheter, thoáng khí, cho phép trao đổi độ ẩm tốt. - Nền keo Acrylic. - Khung viên giấy. - Có nhân ghi được ngày tháng sử dụng băng - Thời gian lưu đến ≥ 7 ngày. - Kích thước chung: 10cmx12cm (Kích thước gel: 3cmx4cm) - Tiết trùng từng miếng.
62	Băng phim dính y tế trong suốt Tegaderm	Miếng	100 Miếng/ Hộp	5.000	<p>Băng phim dính y tế gồm 1 lớp màng Polyurethane với keo không chứa gốc cao su, không gây dị ứng, chống nước và kháng khuẩn với các chất gây ô nhiễm: chất lỏng, vi khuẩn và vi rút:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Film PU, trọng lượng: 80 g/m², mức thoát hơi nước 900 \pm 200 g/m²/24hour - Keo Acrylate, trọng lượng: 35\pm5 g/m². độ dính tối thiểu 0,18 kgf/cm - Giấy lót, trọng lượng 80 gr/m² - Kích thước: 6cm x 7cm - Đóng gói vô trùng.
63	Băng dính lụa y tế 2,5cm x 9,1m	Cuộn	12 Cuộn/Hộp	40.000	<p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vải lụa Acetate taffeta (50-70%), trọng lượng: 65\pm3 g/m² - Keo Hotmelt (30-50%) hoặc tương đương, trọng lượng: 45g/m²(\pm3 g/m²), tương thích sinh học, không gây kích ứng da. <p>Kim tiêm cầm màu dùng nhiều lần, làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương, ống bên trong bằng Teflon hoặc tương đương, ống ngoài bằng kim loại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính thân 1.8mm(\pm0.2mm), có chiều dài 70cm (\pm1cm), 100cm(\pm1cm), 160cm(\pm1cm), đường kính kim 4/5/6mm, chiều dài kim 23/25G tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.0mm. - Đường kính thân 2.4mm(\pm0.2mm), chiều dài 160cm(\pm1cm), 220cm(\pm1cm), chiều dài kim 4/5/6mm, đường kính kim 21/23/25G tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm.
64	Kim tiêm cầm màu dùng nhiều lần	Cái	1 Cái / Túi	15	
65	Ngáng miệng có dây	Cái	100 Cái/Hộp	50	<p>Ngáng miệng có 2 loại: tiêu chuẩn dành cho người lớn và loại dành cho trẻ em, ngáng miệng được làm từ chất liệu nhựa, dây đeo không chứa latex.</p> <p>Kích cỡ bên trong: 21mm x 26mm(\pm1mm) hoặc 13mm x 20mm(\pm1mm).</p>

66	Ngáng miệng không có dây	Cái	Cái / Hộp	50	Ngáng miệng dùng một lần chất liệu cứng đa dạng về kích cỡ, không có dây chằng, có độ mở 20mm(\pm 1mm) hoặc 16mm(\pm 1mm).
67	Sonde nhuộm màu dạ dày - đại tràng, các cỡ	Cái	Cái / hộp	5	Ống dẫn nhuộm màu dạ dày hoặc đại tràng sử dụng nhiều lần, chiều dài làm việc 1650 mm (\pm 10 mm)/ 1900 mm (\pm 10 mm)/2400 mm (\pm 10 mm), đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.0 mm hoặc 2.8 mm
68	Đầu gắn ống soi đại tràng chuyên dụng để chẩn đoán chuyên sâu (Endocuff), các cỡ	Cái	8 Cái / Hộp	8	Đầu bảo vệ đầu dây soi được thiết kế hỗ trợ tầm nhìn của dây soi trong khi thăm khám và điều trị nội soi, đường kính ngoài nắp: 11.35mm-15.7mm; đường kính ngoài đầu tip dây soi: 8.9-9.5 mm đến 13.4-13.9mm; chiều dài 4mm.
69	Thông lọng cắt polyp, dạng cấu nóng dùng nhiều lần	Cái	1 Cái/Túi	10	Thông lọng nóng dùng nhiều lần được thiết kế hình Oval, hình lục giác, hình bán nguyệt tay cầm bằng nhựa. - Đường kính vỏ 1.8mm(\pm 0.2mm), có chiều dài làm việc 100cm (\pm 1cm)/160cm (\pm 1cm)/ 250cm (\pm 1cm) có độ mở loop từ 10mm/15mm/20mm tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.0mm - Đường kính vỏ 2.4mm(\pm 0.2mm) có chiều dài làm việc 160cm(\pm 1cm)/ 210cm(\pm 1cm)/ 230cm(\pm 1cm), có độ mở loop từ 10mm/15mm/20mm /25mm/30mm/35mm tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm.
70	Kim sinh thiết đại tràng dùng nhiều lần	Cái	Cái / Hộp	50	Kim sinh thiết đại tràng dùng nhiều lần, hình oval, ngàm cá sấu có kim hoặc không kim: - chiều dài làm việc 210cm (\pm 1cm), 230cm (\pm 1cm), đường kính thân kim 2.4mm(\pm 0.2mm), có độ mở ngàm các cỡ 6mm, 6.5mm, 7mm tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm.
71	Hộp giấy lưu trữ chủng vi khuẩn	Hộp	1 Cái/ Hộp	1.000	Chất liệu: Hộp làm bằng giấy, trong hộp có chứa các ô nhỏ để lưu trữ chủng vi khuẩn. Kích thước: 25cm x 25cm x 5cm
72	Lọ đựng bệnh phẩm vô trùng	Lọ	1 lọ/Túi	15.000	Chất liệu bằng nhựa PP hoặc tương đương, dung tích \geq 50ml, Nắp màu đỏ. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong, Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương.
73	Ống đựng bệnh phẩm các loại dịch tủy	Ống	100 ống/ Hộp	60.000	- Ống nghiệm nhựa serum không chứa chất chống đông dùng để xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch... - Thân ống được làm bằng chất liệu nhựa PET hoặc tương đương kích thước 13x75mm (ống dung tích 4ml) nắp cao su được bọc nhựa màu

					vàng, lấy máu bằng áp lực âm (dùng kim lấy máu 2 đầu), thích hợp dùng cho các máy xét nghiệm tự động.	
74	Bơm hút thai	Bộ	Bộ / Túi	70	Bơm hút thai gồm các bộ phận nhỏ như sau: - 1 ống bơm 1 van 60cc - 1 pít tông kín - 1 gioăng cao su hình chữ O. - 1 đai hãm cổ bơm giữ cho pít tông không bị tuột khỏi ống bơm - 1 đai van (gồm 1 van và 1 van lót bằng cao su) có khóa bằng nút bấm có tác dụng giữ hoặc giải phóng áp lực chân không - 1 lọ dầu silicon có tác dụng bôi trơn dụng cụ (Kèm ống hút)	
75	Vòng tránh thai	Chiếc	1 Chiếc / 1 Túi	200	Dụng cụ hình chữ T, vô trùng đặt vào tử cung để tránh thai.	
76	Tay nắm ống hút	Cái	250 Cái/Thùng	5.000	Tay nắm làm bằng PVC hoặc tương đương trong suốt. Không độc hại, không gây sốt. Khử trùng bằng Ethylene Oxide hoặc tương đương. Tương thích với dây hút dịch dùng một lần.	
77	Ống nối dây hút	Cái	50 Cái / Gói	5.000	Nối các dây truyền, dây hút dịch có kích thước khác nhau. Được tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương.	
78	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt	Bộ	01 bộ/Túi	15	Dùng để theo dõi huyết áp động mạch - Theo dõi cung lượng tim chính xác cùng với catheter PICCO - Cảm biến áp lực được thiết kế trong suốt để dàng kiểm tra - Chất liệu: Polycarbonate (PC), Polyethylen (PE), Silicone (SI), Polyvinchlorid (PVC), ABS - Hệ thống xả: Tốc độ 3ml/h với áp lực 300mmHg trong túi xả (xả nhanh \geq 2ml/s) - Chiều dài dây đo huyết áp màu đỏ dài khoảng 150cm - Tiệt trùng bằng Ethylene oxide hoặc tương đương	

79	Bộ kit tách chiết huyết tương giàu tiểu cầu	Kit	20 kit/ Hộp	300	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu gồm 1 ống nghiệm bằng thủy tinh. - Ống chứa chất chống đông natri citrat nồng độ: 0.100mol/L đến 0.136mol/L; - Có lớp gel phân tách tiểu cầu; - Áp lực âm; - Dung tích ống 10ml; - Khả năng phục hồi tiểu cầu $\geq 90\%$ - Thời gian tách: ≤ 9 phút - Đóng gói tiệt trùng riêng biệt từng ống; 	
80	Kim châm cứu, các cỡ	chiếc	100 cái/ hộp	300.000	<p>Kim được sản xuất từ thép không gỉ hoặc tương đương, mũi kim sắc nhọn kiểu hình tròn.</p> <p>Chiều dài khoảng 40mm ($\pm 5\%$).</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> 0.25 x 10 mm; 0.25 x 13 mm; 0.30 x 25 mm; 0.30 x 40 mm; 0.35 x 50 mm; 0.35 x 60 mm; 0.35 x 75 mm; 0.4 x 150 mm; 0.4 x 200 mm; 	
81	Bộ thông mở dạ dày qua da dạng dây	Bộ	Bộ / hộp	30	<p>Kích thước nút nuôi ăn, 2.5cm, 3.0cm, 3.5cm, 4.0cm, 4.5cm.</p> <p>Đường kính nuôi ăn 8.0mm (24Fr)</p> <p>Thành Phần:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ống nuôi ăn dạ dày bằng chất liệu caosu Silicone hoặc tương đương 2. Dụng cụ giúp đẩy ống thông vào dạ dày có khóa chốt cố định đánh dấu. 3. Ống kết nối cho ăn 4. Ống giải áp 5. Kim khâu cố định thành dạ dày 23G được làm bằng thép không gỉ. 6. Dây dẫn guidewire 7. Ống nóng 8. Vỏ bọc dẫn đường đưa ống thông vào bên trong dạ dày. 	

82	Khí dùng cho máy phát tia Plasma lạnh bình 8 lít	Bình		220	<p>Tương thích dùng cho máy phát tia Plasma lạnh PlasmaMED-GAP</p> <p>* Thành phần bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Argon độ tinh khiết $\geq 99,999\%$. - $H_2O < 3ppm$; $N_2 < 5ppm$; Oxygen $< 2ppm$ <p>* Nạp trong bình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bình dung tích 81 ($\pm 5\%$), - Áp suất thử ≥ 225 Bar - Áp suất sử dụng $\geq 130bar$ - Thể tích khí trong bình (Khi giải nén) ≥ 1.040 lít 	
83	Kim sinh thiết tủy xương (dùng 1 lần)	cái	01 cái/ túi	400	<p>Cấu tạo bao gồm tối thiểu 04 bộ phận: 01 Kim sinh thiết, 01 Surelock lấy mẫu, 01 Marker, 01 nắp an toàn. Kim sinh thiết xương có tay cầm vừa vặn, thân kim có chia vạch đánh dấu mức thấm khảm, Kim được thiết kế cho cả việc chọc hút thông qua đầu chọc hút có dạng xoay.</p> <p>Đầu kim vát nhọn. Có các loại có đường kính từ 8G, 11G, 13G; Kim có chiều dài 100mm($\pm 1mm$), 150mm($\pm 1mm$) đối với kim có đường kính 8G, 11G; Kim có chiều dài 65mm, 100mm đối với kim có đường kính 13G.</p>	
84	Ông thử đo chức năng hô hấp (Tuabin dùng 1 lần)	Cái	01 cái/ túi	1.000	<p>Tuabin dùng 1 lần (dùng cho máy đo chức năng hô hấp): Với cảm biến lưu lượng: tuabin kỹ thuật số 2 chiều, kèm theo ống thổi giấy (đường kính ống thổi giấy: 30mm (1.18inch)). Tương thích dùng cho máy đo chức năng hô hấp Spirolab III</p>	
85	Miếng keo sinh học dán mô, cầm máu	Miếng	3 Miếng / Hộp	10	<p>Miếng keo sinh học dán mô cầm máu được chỉ định cầm máu, bịt kín vết thương, kiểm soát tình trạng xuất huyết, rò rỉ dịch và rò khí. Thành phần cấu tạo từ collagen bò, được phủ NHS-PEG tại bề mặt cần cho việc bám dính tiếp xúc với mô và đánh dấu bằng các đốm hình vuông màu xanh cho bề mặt không bám dính. Kích thước 45 x 90mm.</p>	
86	Keo dán cầm máu	Lọ	1 Lọ/Hộp	10	<p>Floseal Hemostatic matrix là hỗn hợp bao gồm mạng lưới các hạt gelatin từ bò và thrombin từ người liên kết với nhau, 2 thành phần này đóng vai trò quan trọng, đem lại hiệu quả cầm máu độc lập, không phụ thuộc vào cơ chế cầm máu của cơ thể. Sản phẩm được cung cấp cùng với 2 đầu bơm tiêu chuẩn và 1 đầu bơm dài 14cm có thể uốn dẻo 180 độ.</p>	
87	Súng sinh thiết liên kim các cỡ	Cái	01 cái/ túi	20	<p>Súng sinh thiết tự động liên kim dùng cho sinh thiết ngực, vú, gan, thận, tuyến tiền liệt, tuyến giáp, phổi... kim được làm bằng thép không gỉ, sắc bén, đường kính 14G, 16G, 18G độ dài 150mm($\pm 1mm$).</p>	

					Độ dài lưới cắt mô bệnh phẩm 11mm hoặc 22mm, Súng có cơ chế khóa an toàn.	
88	Bộ cân đầy cổ tử cung	bộ	Bộ/ hộp	01	Bộ cân nâng giữ tử cung kiểu HOHL dùng để cắt tử cung, bao gồm các chi tiết sau: <ul style="list-style-type: none"> - Tay cầm - Trục điều khiển - Vỏ đường kính 40mm, dài 30mm - Vỏ đường kính 35mm, dài 30mm - Vỏ đường kính 32mm, dài 30mm - Nắp xoắn ốc, đường kính 20mm - Nắp xoắn ốc, đường kính 15mm - Nòng trong, đường kính 6mm, dài 60mm - Nòng trong, đường kính 6mm, dài 80mm - Nòng trong, đường kính 6mm, dài 100mm - Khóa mở nòng xoắn ốc 	
89	Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoài vi 1 nòng 4F, 5F.	01 bộ/hộp	bộ	50	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoài vi 1 nòng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Catheter kích cỡ 4F/ 5F, nòng catheter 18G, chất liệu polyurethane hoặc tương đương, thể tích dưới khí 0,67ml/ 0,66 ml, tốc độ dòng chảy với trọng lực 1,272ml/ 1.185 ml/giờ, thiết kế hình nón ngược giúp nhẹ nhàng khi đưa vào vị trí đặt catheter và chống sự gấp gãy, cho phép tiêm truyền áp lực cao thuốc cản quang cho các kỹ thuật Chụp cắt lớp vi tính có tiêm thuốc cản quang (CECT scan) với tốc độ đá lên đến 5 ml/giây, được chỉ định cho việc theo dõi Áp lực tĩnh mạch trung tâm (CVP) - Dây dẫn bằng thép không rỉ hoặc tương đương với chiều dài 70/135 cm - Thông nòng (Microintroducer) 10 cm - Lưới dao - Kim dẫn đường (Kim introducer) 21G - Nắp đầy cho mỗi nòng catheter - Bơm tiêm đầu xoắn (luer-lock) 10ml hoặc 12 ml, không chất cao su - Dụng cụ cố định cổ định catheter - Thuốc đo giấy 	

90	Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm từ tĩnh mạch ngoại vi 2 nòng	01 bộ/hộp	bộ	50	<p>Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi 2 nòng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Catheter kích cỡ 5F/ 6F, 2 nòng catheter cỡ 18G/nòng, chất liệu polyurethane hoặc tương đương, thể tích đuôi khí mỗi nòng 0,57 / 0,62 ml, tốc độ dòng chảy với trọng lực mỗi nòng 578 / 753 ml/giờ, thiết kế hình nón ngược giúp nhẹ nhàng khi đưa vào vị trí đặt catheter và chống sự gập gãy, cho phép tiêm truyền áp lực cao thuốc cản quang cho các kỹ thuật Chụp cắt lớp vi tính có tiêm thuốc cản quang (CECT scan) với tốc độ tối đa lên đến 5 ml/giây, được chỉ định cho việc theo dõi Áp lực tĩnh mạch trung tâm (CVP) - Dây dẫn bằng thép không gỉ hoặc tương đương với chiều dài 70cm/ 135cm - Thông nòng (microintroducer) 10 cm - Lưới dao - Nắp dây cho mỗi nòng catheter - Bơm tiêm đầu xoắn (luer-lock) 10ml hoặc 12 ml, không chất cao su - Dụng cụ cố định catheter - Thuốc đo giấy
91	Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm từ tĩnh mạch ngoại vi 3 nòng	01 bộ/hộp	bộ	50	<p>Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi 3 nòng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Catheter kích cỡ 5F, chất liệu polyurethane hoặc tương đương và chất liệu mềm giúp hạn chế tổn thương thành mạch khi đặt, kích thước nhỏ tạo điều kiện cho đặt catheter trong các tĩnh mạch nhỏ hơn. Được chỉ định cho việc theo dõi Áp lực tĩnh mạch trung tâm (CVP). 3 nòng catheter: <ul style="list-style-type: none"> + Nòng màu đỏ cỡ 18G, thể tích đuôi khí 0,68 ml, tốc độ dòng chảy với trọng lực 743 ml/giờ, sử dụng cho tiêm truyền áp lực cao với tốc độ tối đa 5 ml/giây và áp lực tối đa 300 psi + Nòng màu xám và màu trắng cỡ 19G, thể tích đuôi khí 0,44 ml, tốc độ dòng chảy với trọng lực 280 ml/giờ, không sử dụng cho tiêm truyền áp lực cao. - Bơm tiêm đầu xoắn 10ml hoặc 12 ml - Dụng cụ cố định catheter - Lưỡi dao - Thuốc đo giấy - 3 nắp dây catheter - Kim dẫn đường (kim introducer) 21G - Thông nòng (microintroducer) 10 cm - Dây dẫn bằng nitinol với chiều dài 70 cm hoặc 135 cm



Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

Phụ lục 2 - Mẫu báo giá

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Thông số kỹ thuật	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VNĐ)	Thành tiền (đã bao gồm Thuế, phí, lệ phí (nếu có)) ⁽⁹⁾ (VNĐ)
1	Vật tư Thiết Bị A								
2	Vật tư Thiết Bị B								
n	...								



2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm 2024 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngày...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chúng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chi đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thực nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thông nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

